

HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
TRONG THỜI KỲ CỔ ĐẠI TRUNG QUỐC
(Khoảng trước thế kỷ 21 trước Công nguyên)

TS. Nguyễn Thùy Vân

Khoa Ngôn ngữ Trung Quốc - Đại học Thành Đông

TÓM TẮT

Thời kỳ cổ đại Trung Quốc là giai đoạn phát triển trước khi hình thành nên ba triều đại (nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu). Trong thời kỳ này xã hội và con người vẫn còn rất lạc hậu. Chế độ hôn nhân và gia đình chủ yếu có hai đặc điểm là hôn nhân bầy đàn huyết thống và hôn nhân biết mẹ không biết cha (tức là kiểu hôn nhân chung chồng).

Từ khóa: *hôn nhân và gia đình; thời cổ đại; Trung Quốc.*

ABSTRACT

Ancient China was a period of development before the formation of three dynasties (Xia Dynasty, Shang Dynasty, Zhou Dynasty). In this period, society and people were still very backward. The marriage and family regime mainly had two characteristics, namely, the marriage by blood group and the marriage with known mother but non-known father (which means the common-husband marriage).

Keywords: *marriage and family; antiquity; China.*

Trong lịch sử phát triển của Trung Quốc, giai đoạn phát triển trước khi hình thành nên ba triều đại (nhà Hạ, nhà Thương và nhà Chu) được gọi chung là thời kỳ cổ đại. Thời kỳ cổ đại này cách thời đại chúng ta ngày nay cũng đến hơn 4000 năm lịch sử. Vậy thời kỳ cổ đại rốt cục là như thế nào? Xã hội và con người thời đó phát triển ra sao? Có không ít những cuốn sách cổ đã từng ghi chép về điều kiện sinh sống và ăn ở vô cùng khó khăn, điều kiện sản xuất thô sơ lạc hậu của những con người thời đó:

Thời đó trên trái đất, con người thì ít mà cảm thú thì nhiều; con người đã

không thắng nổi bọn cảm thú đó. Họ tìm những khúc gỗ, cành cây để dựng thành lều và chui vào đó để tránh cảm thú. (Hàn Phi Tử)

Ăn hang ở lỗ, chưa có nhà cửa, ở cùng cảm thú (Tân ngữ. Đạo cơ).

Người xưa, Vua thì chưa có cung điện, mùa đông thì ở trong các hang động, mùa hè thì leo lên cây; chưa có lửa, lấy hoa cỏ dại, thịt cảm thú làm thức ăn, lấy máu cảm thú làm đồ uống; chưa có quần áo để mặc (Lễ Ký. Lễ Vận).

Điều kiện sinh sống và lao động của con người thời đó gian khổ và thấp kém như vậy, vậy cái mà chúng ta gọi là “hôn nhân”, “gia đình” ở thời đó sẽ như

thế nào? Điều này thật khó để chúng ta có sự miêu tả chính xác nhất, khoa học nhất bởi thứ nhất là do sự mai một của thời gian, thứ hai là chúng ta lại chỉ có những ghi chép thô sơ, không phải trên sách vở. Tuy nhiên, có một điều may mắn đó là trong những cuốn sách cổ của Trung Quốc có ghi chép rất nhiều truyền thuyết và thần thoại về thời cổ đại này. Những câu chuyện truyền thuyết này đã phần nào miêu tả được sự phát triển, sinh sôi nảy nở của tổ tiên người Trung Quốc trên mảnh đất này và cũng chính chúng đã thai nghén nên lịch sử văn minh sáng lạn của đất nước Trung Hoa thời cổ đại. Qua hàng loạt những câu chuyện ly kỳ xung quanh những truyền thuyết đó, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy hai đặc điểm nổi bật nhất của hình thức hôn nhân, gia đình của con người thời đó là: Hôn nhân bày đàn huyết thống và hôn nhân biết mẹ không biết cha (tức là kiểu hôn nhân chung chồng).

Chúng ta hãy bắt đầu đi từ câu chuyện truyền thuyết về tổ tiên của người Trung Quốc đó chính là Trạng Hy và Nữ Oa.

Tương truyền rằng vào thời đó, lũ lụt triền miên, tất cả người dân đều bị những dòng nước lũ đó cuốn trôi, chỉ còn sống sót hai anh em Trạng Hy, sau đó Trạng Hy và Nữ Oa đã kết duyên vợ chồng, đã giúp cho nhân loại được tái sinh. Chính trong cuốn “Lỗ Linh Quang Điện Phú” cũng đã nhắc đến bức bích họa về đôi vợ chồng này trong ngôi đền Linh Quang lập trên một gò đất. Trong

số những bức họa trên đá hoặc trên gạch ngói còn được lưu truyền cho đến ngày nay có không ít bức họa vẽ về đôi vợ chồng này với phần trên là hình người mặc áo bào và phần dưới là hình đuôi hai con rắn quấn chặt vào nhau. Có bức còn vẽ thêm cảnh mây trời, hai tay của người con trai đang đỡ mặt trời, trong mặt trời là hình một con quạ vàng, còn hai tay của người con gái thì đang đỡ mặt trăng, trong mặt trăng là hình một con cóc; có bức còn vẽ thêm hình ảnh một đứa trẻ hai tay đang bám vào áo của bố mẹ, đã khiến cho chúng ta có thêm sự hình dung về khung cảnh một gia đình đầm ấm hạnh phúc. Những bức họa này là minh chứng sinh động nhất cho truyền thuyết về cặp vợ chồng anh em Trạng Hy và Nữ Oa.

Ngoài ra trong cuốn “Sưu Thần Ký” của Đông Tấn Can Bảo cũng có ghi chép về vấn đề này: Cao Hạnh Nhân, chất của vị Hoàng Đế thời đó đã gả cô con gái yêu của mình cho vị thần đã có công lớn với triều đình đó là Ngũ Sắc Thần Khuyển Bàn Hộ. Ba năm sau đôi vợ chồng đó đã sinh được sáu người con ba nam ba nữ, sau khi Bàn Hộ mất thì sáu người con của ông đã “Tự tương phối ngẫu, nhân vi phu phụ”, “kỳ hậu tử tôn xướng thịnh, hiệu vi Khuyển Tuất chi quốc” (có nghĩa là sáu người con ba nam ba nữ này đã kết duyên thành ba đôi vợ chồng, sinh con đàn cháu đông, cuộc sống phồn thịnh, lập nên nước lấy niên hiệu là Khuyển Tuất).

Những câu chuyện truyền thuyết kiểu này, chính là sự phản ánh rõ nét nhất

về sự tồn tại của kiểu gia đình hôn nhân huyết thống ở Trung Quốc thời cổ đại.

Còn có thể kể thêm ở đây một câu chuyện truyền thuyết nữa để làm dẫn chứng: đó là truyền thuyết về anh em Thuấn và Tạng.

Thuấn là một trong năm vị Hoàng Đế thời cổ đại, là hoá thân của một vị vua anh minh đức độ trong lòng người dân Trung Hoa. Theo những ghi chép trong “Sử Ký. Ngũ Đế Bản Kỷ” thì vào thời đó Thuấn đã làm được rất nhiều điều tốt cho nhân dân và được nhân dân yêu mến, vua Nghiêu thấy Thuấn là một người vừa có tài lại vừa có đức, bèn gả cả hai cô con gái yêu của mình là Nga Hoàng và Nữ Anh cho Thuấn. Ở ngoài Thuấn được người dân yêu mến bao nhiêu thì ngược lại ở nhà anh lại không được lòng chính người cha đẻ của mình là Cỗ Tẩu. Cỗ Tẩu và Tạng - người anh em cùng cha khác mẹ với anh đã bao lần âm mưu ám hại anh. Có một lần Cỗ Tẩu và Tạng lừa Thuấn, bảo anh đi đào giếng, khi Thuấn đang đào ở bên dưới thì ở trên Cỗ Tẩu và Tạng đẩy đất đá xuống lấp miệng giếng giết Thuấn. Cho rằng anh trai đã chết Tạng bèn tìm cách cướp hai người vợ của anh mình đó là Nga Hoàng và Nữ Anh về làm vợ. Nhưng đúng vào lúc đó Thuấn lại bình an vô sự trở về, hoá ra anh đã chui sang giếng của người hàng xóm và thoát được ra ngoài. Qua câu chuyện truyền thuyết này chúng ta có thể dễ dàng nhận ra được đặc điểm hôn nhân gia đình thời vua Thuấn. Thuấn liền lúc lấy được hai

người con gái của vua Nghiêu, Tạng cũng cùng lúc cướp hai người về làm vợ, kiểu hôn nhân mấy anh em lấy chung mấy chị em về làm vợ chẳng phải là rất phù hợp với đặc điểm kiểu hôn nhân bầy đàn á huyết thống đó sao? Chị em chung một chồng hoặc anh em chung một vợ, điều này cho thấy vào thời vua Thuấn đất nước Trung Quốc đã ở vào giai đoạn đỉnh cao của kiểu hôn nhân bầy đàn. Hơn nữa khi Tạng tưởng là Thuấn đã chết liền lấy luôn hai người vợ của anh, kiểu hôn nhân “huynh chung đệ cập” (anh mất em thay) này, cũng chính là minh chứng sống cho kiểu hôn nhân bầy đàn cấp cao ở Trung Quốc.

Chính bởi tổ tiên của người Trung Quốc đã sống một cuộc sống với những quan hệ giới tính hỗn loạn, điều này đã khiến cho những người con khi được sinh ra thì chỉ có thể biết mẹ mình là ai chứ không thể biết bố mình là ai.

Hy thái cổ thường vô quân hĩ, kỳ dân tự sinh quân sở, tri mẫu bất tri phụ, vô thân thiết huynh đệ phụ thê nam nữ chi biệt, vô thượng hạ trưởng ấu chi đạo. (Lã Thị Xuân Thu. Thị Quân Lâm) (có nghĩa là thời xa xưa không có vua, dân sống tập trung thành bầy đàn, không có sự khác biệt giữa anh em, vợ chồng, nam nữ, không có đạo lí giữa những bậc tiền bối với hậu sinh)

Những điều trong các cuốn sách cổ của Trung Quốc đã miêu tả chính là một bức tranh điển hình về xã hội thị tộc mẫu hệ thời đó. Trong xã hội này, người phụ nữ đóng vai trò chủ đạo trong lao

động sản xuất cũng như trong cuộc sống hàng ngày, thể hệ cũng được tính dựa trên mẫu hệ. Các thành viên trong thị tộc sống cuộc sống cùng làm cùng hưởng bình đẳng với nhau. Vào thời này năng suất lao động còn thấp, không có nhiều sản phẩm dư thừa do đó giai cấp cũng chưa xuất hiện.

Xã hội mẫu hệ thời cổ đại đã để lại cho các thế hệ sau này một kho tàng truyền thuyết về “Thánh nhân vô phụ, cảm thiên nhi sinh” (Con người thường không có cha và do trời sinh ra).

Ví dụ như khi nói về nguồn gốc của Hoàng Đế - tổ tiên của dân tộc Trung Hoa, trong dân gian đã lưu truyền một câu chuyện như sau: Ngày xưa có một người con gái tên là Phụ Bảo, hàng ngày cô thường lên rừng hái lượm hoa quả, một hôm trời đã tối mà cô vẫn mãi mê hái lượm, bỗng nhiên cô thấy có một vệt sáng loé lên và thấy như có một luồng điện chạy trong người, về nhà một thời gian sau cô mang thai, 25 tháng sau tại Thanh Khâu cô đã sinh hạ ra Hoàng Đế Hiên Viên Thi.

Hầu hết những câu chuyện truyền thuyết về sự ra đời của tổ tiên dân tộc Ân Thương và dân tộc Chu cũng đều có liên quan đến người mẹ. Truyền thuyết kể lại rằng Đế Khốc có tất cả bốn người vợ, một hôm khi người vợ hai tên là Giản Địch đang tắm ở bên hồ bỗng từ đâu bay đến một con chim én, và rồi con chim này đã nhả một quả trứng xuống đất, Giản Địch liền chạy lại nhặt quả trứng lên và ăn, sau đó về nhà bà mang thai và

sinh hạ ra “Khế” - tổ tiên của dân tộc Chu, sau này Khế đã được con cháu tôn xưng là Huyền Vương. Câu chuyện ăn trứng sinh Khế này đã xuất hiện trong “Kinh Thi” từ rất sớm. Tương tự như vậy chúng ta cũng có thể tìm thấy rất nhiều những câu chuyện truyền thuyết về nguồn gốc tổ tiên của nhà Tần trong ‘Sử ký. Tần Bản Kỷ’. Theo sử sách ghi chép lại thì tổ tiên của nhà Tần cũng là do người mẹ khi đang dệt vải ăn phải trứng chim én sau đó mang thai và sinh ra.

Còn truyền thuyết về sự ra đời của Hậu Tắc - tổ tiên dân tộc Chu thì dường như đã được tô vẽ thêm những đau khổ bi thương của nhân gian. Theo truyền thuyết thì Khương Nguyên người vợ cả của Đế Khốc khi vào rừng đã dẫm phải vết chân lạ, về nhà liền mang thai và sinh hạ ra Hậu Tắc. Đây là những ghi chép trong “Sử Ký. Chu Bản Kỷ”. Trong “Kinh Thi. Đại Nhã. Sinh Dân” cũng có ghi chép về chuyện này: Hậu Tắc khi được sinh ra có hình dạng rất kỳ quái, dính liền vào nhau và trông giống như hình con dê. Mọi người đều cho rằng đây là điềm gở liền vứt vào một rãnh nhỏ, dê cừu cũng tránh xa bằng cách vứt vào rừng sâu, một bác tiểu phu đã nhặt về và đặt trên băng tuyết, bỗng một con chim khổng lồ bay tới và dang rộng đôi cánh để ủ ấm cho cậu bé. Cũng chính bởi đã từng bị vứt đi như vậy mà sau này cậu bé đã có tên “Khí”.

Trong những câu chuyện truyền thuyết trên, cũng có những người mẹ có chồng như Nữ Khu là chính phi của

Xương Ý, Giản Định và Khương Nguyên cũng đều là vợ của Đế Khốc v.v... Song cho dù là có chồng hay không chồng thì sự mang thai của họ đều phần nào chịu ảnh hưởng của thần thánh, điều này trên thực tế đã cho thấy giữa những thánh nhân này với người chồng của người mẹ sinh ra họ chưa chắc đã có mối quan hệ huyết thống với nhau. Vào thời đó trong quan niệm của mọi người không tồn tại khái niệm “phụ thân”. Bởi người mẹ của bọn trẻ này cùng lúc có thể có đến vài người bạn tình do vậy chúng cũng không thể xác định được ai trong số những người đàn ông đó có quan hệ máu mủ với mình, chúng cũng chưa từng nghĩ đến việc tìm hiểu rõ chuyện này. Hơn nữa trong điều kiện xã hội thời đó, việc xác định mối quan hệ huyết thống cha con là không thể thực hiện được, chính vì thế mà đã lưu truyền trong dân gian rất nhiều câu chuyện về việc trời cho con.

Ngay trong tên họ của con người thời đó chúng ta cũng có thể nhận ra dấu ấn còn sót lại của xã hội mẫu hệ. Viêm Đế họ Khương, Hạ họ Dĩ, Chu họ Cơ, Tần họ Doanh, trong chữ viết của số họ này đều xuất hiện bộ Nữ có nghĩa là được đặt theo họ mẹ. Thương họ Tử, tuy không xuất hiện bộ Nữ nhưng lại liên quan đến chữ tử trong “Yến noãn tử” (trứng chim én). Ngay bản thân chữ “Tính” cũng là sự kết hợp giữa “Nữ” và “Sinh”, điều này thể hiện ý nghĩa “nhân sở sinh dã” (nguồn gốc con người) “Thuyết văn giải từ”.

Gia đình mẫu hệ và gia đình phụ quyền sau này là hai kiểu gia đình hoàn toàn khác nhau, ta nên gọi kiểu gia đình này đó là một thị tộc tức là thị tộc mẫu hệ hơn là một gia đình. Ở thời đó người phụ nữ (người mẹ) là người lãnh đạo cả thị tộc, nắm giữ toàn bộ gia sản, trong khi đó những ông chồng không cố định lại đến từ nhiều thị tộc khác nhau, do đó những đứa trẻ sinh ra trong thời này chỉ biết mẹ không biết cha là điều đương nhiên, chúng chỉ biết chúng là con của mẹ và lấy họ mẹ.

Xã hội thị tộc mẫu hệ bắt đầu xuất hiện ở Trung Quốc vào khoảng hai vạn năm trước và phát triển mạnh nhất vào giai đoạn cách đây khoảng 7000 – 5000 năm. Dần dần về sau (tức là cách đây khoảng gần 5000 năm), những bộ tộc sinh sống tại lưu vực hai con sông Hoàng Hà và Trường Giang lần lượt chuyển sang xã hội thị tộc phụ quyền, tức là thời kỳ xã hội thị tộc mà trong đó thế hệ được tính theo phụ hệ, tài sản được thừa kế theo người bố. Trong xã hội này người đàn ông dần dần thay thế vị trí trung tâm của người phụ nữ trong xã hội thị tộc mẫu hệ trước đó đồng thời từng bước hình thành nên kiểu gia đình chế độ phụ quyền với việc lấy người đàn ông là người chi phối. Sau này, cùng với sự phát triển của năng suất lao động, sự tích lũy tài sản tư hữu, những yêu cầu cũng như quyết định về quyền thừa kế, do đó giữa các gia đình với nhau bắt đầu xuất hiện tình trạng sống chung độc chiếm (hai vợ chồng sống chung với

nhau nhưng tách dần ra khỏi thị tộc) chính điều này đã dẫn đến sự ra đời của hình thức hôn nhân đôi ngẫu (tức là kiểu hôn nhân với đặc trưng cơ bản là một vợ một chồng) và cuối cùng là sự xuất hiện của kiểu hôn nhân con gái được gả cho con trai và người vợ phải sống theo người chồng. Con người khi đó không những biết được người mẹ mà còn có thể biết được cả người bố. Trong lịch sử

phát triển của Trung Quốc, nếu chúng ta đi ngược lại thời gian, tìm hiểu về tổ tiên thời cổ đại thì có thể thấy rằng ngay từ thời Hậu Tắc, con người đã có những khái niệm về huyết thống phụ hệ và thừa kế phụ hệ. Sau này do tình trạng không đồng đều trong việc phân chia tài sản và thừa kế, dẫn tới hình thành sự bất bình đẳng trong xã hội, và thời kỳ này xã hội bắt đầu có sự xuất hiện của giai cấp.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- [1]. Hàn Phi, *Hàn Phi Tử*, 1994, NXB Văn Hoá.
- [2]. Nguyễn Hiến Lê, *Sử Trung Quốc*, 1983, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
- [3]. Tư Mã Thiên, *Sử Ký*, 2018, NXB Hồng Đức .